

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2020/DS-PT

Ngày: 25/9/2020

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Phước Hưng

*Các Thẩm phán* : Ông Lâm Thuận Tùng

Ông Đào Chí Keo

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Ngọc Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:*** Bà Lương Thị Hương, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 178/2020/TLPT-DS ngày 11/8/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”.

Do Bản án số 41/2020/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2020/QĐ-PT ngày 13/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 182/2020/QĐ-PT ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* chị Đỗ Thị Tú O (V), sinh năm 1971; cư trú: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của bà O:* Bà Trần Thị Kim Tiến, sinh năm 1990; cư trú: ấp K, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 02/10/2019). (vắng mặt)

*2. Bị đơn:* ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962; cư trú: ấp M1, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* chị Nguyễn Thị C1, sinh năm 1989; cư trú: ấp M1, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

*Người kháng cáo:* ông Nguyễn Văn H là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Nguyên đơn, chị Đỗ Thị Tú O trình bày:* chị là chủ hội, ông H là hội viên và có tham gia các phần hội mở ngày 09/6/2017 âm lịch, hội 2.000.000 đồng/tháng, có 27 hội viên, ông H tham gia 02 phần, hội kết thúc vào ngày 14/7/2019 âm lịch, huê hồng 1.000.000 đồng/dây/tháng, thỏa thuận trong hạn 03 ngày giao tiền hội kể từ ngày mở hội.

Lần khai hội đầu tiên, ông H bỏ hội 480.000 đồng, hốt (lĩnh) được số tiền 38.520.000 đồng. Lần khai hội thứ hai 14/6/2017 (nhuần), ông H bỏ hội khai 530.000 đồng, số tiền 37.750.000 đồng. Sau khi hốt hội ông H có châu hội chết đến ngày 09/7/2018 thì ngưng không châu tiếp tục nữa, trong hai phần hội ông H còn nợ 15 lần hội chết. Tổng cộng ông H còn nợ lại 60.000.000 đồng. Số tiền này, ông H có ký biên nhận, ông H trực tiếp tham gia hội không liên quan đến con của ông H.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng bà O xin rút lại đối với yêu cầu này.

Trong quá trình tham gia hội bà O (V) trực tiếp giao nhận hội với ông H. Đến ngày 15/6/2018, ông H ký biên nhận còn nợ 60.000.000 đồng. Nay bà O (V) yêu cầu ông H phải trả 60.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 15/11/2018 đến khi xét xử.

\* *Bị đơn, ông Nguyễn Văn H trình bày:* Ông không tham gia hội do bà O (V) làm chủ hội. Đối với biên nhận ngày 15/6/2018 thì ông tự ghi nội dung và có ký nhận thừa nhận còn nợ bà V 15 lần hội, số tiền 60.000.000 đồng. Trong biên nhận có ghi tiếp phần tiền lời có nghĩa là khi nào ông trả xong 60.000.000 đồng thì ông nộp thêm 5.000.000 đồng. Từ ngày làm biên nhận, ông có trả cho bà V số tiền 18.000.000 đồng, không làm giấy tờ, không có ai biết, không có đóng lãi. Nay còn nợ lại bà V số tiền 42.000.000 đồng. Ông đồng ý trả cho bà V mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi dứt số nợ 42.000.000 đồng.

Hội 2.000.000 đồng/tháng, do con ông là chị Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 1989 trực tiếp tham gia, là hội viên. Do con ông không có khả năng châu hội, vì uy tín nên ông đứng ra nhận thay. Việc trả nợ thay này được sự đồng ý của con ông và bà V. Còn bà Đỗ Thị Tú O là người nào thì ông không biết, ông chỉ biết bà V là chủ hội.

Đối với số tiền trả 18.000.000 đồng, ông không cung cấp được chứng cứ, chứng minh, ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị Cúc đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị không có văn bản ghi ý kiến gửi*

cho Tòa án và không liên hệ Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến của chị.

Tại Bản án số 41/2020/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Tú O (V), buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Tú O số tiền hụi 60.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Tú O (V) đối với số tiền 1.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tiền lãi do chậm thi hành án, án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/6/2020, ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo với yêu cầu sửa hoặc hủy bản án sơ thẩm vì ông cho rằng chị Đỗ Thị Tú O không phải là chị V và ông đã trả 9 lần với số tiền 18.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H vẫn cho rằng ông nợ tiền và viết biên nhận nợ cho chị V chứ không nợ chị O; nếu chị O cho rằng chị là chị V thì phải có giấy khai sinh do Sở Tư pháp cấp thì ông chấp nhận, ngoài ra, ông cho rằng ông đã trả số tiền 18.000.000 đồng cho chị V nhưng khi trả tiền không làm biên nhận và không ai biết sự việc này.

Chị Đỗ Thị Tú O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu về vụ án: từ khi thụ lý phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung: ông H thừa nhận viết, ký tên trên biên nhận ngày 15/6/2018 và đã trả được số tiền 18.000.000 đồng nhưng ông không chứng minh được việc đã trả số tiền 18.000.000 đồng, ngoài ra, Tòa án đã xác minh và đã xác định được chị O có tên thường gọi là V nên chị O khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền còn nợ là có căn cứ.

Vì các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thủ tục: ông Nguyễn Văn H kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

Tòa án đã triệu tập họp lệ các đương sự đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng chị Nguyễn Thị Cúc vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Cúc là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông H kháng cáo cho rằng chị Đỗ Thị Tú O và chị V (người mà ông cho rằng là chủ hội trong dây hội mà ông là hội viên) không phải cùng một người và ông đã trả nợ cho chị V 09 lần với số tiền 18.000.000 đồng nhưng chưa được xem xét.

[2.1] Đối với kháng cáo cho rằng chị Đỗ Thị Tú O không phải là chị V, Hội đồng xét xử xét thấy: tại vi bằng số 35/2020/VB-TPL ngày 24/4/2020 do Văn phòng Thừa phát lại An Giang lập thì chị Hồ Thị N, anh Kiều Công N, bà Huỳnh Thị L và bà Huỳnh Thị Túy P là những hội viên cùng tham gia dây hội do chị Đỗ Thị Tú O làm chủ hội xác nhận chị Đỗ Thị Tú O có tên thường gọi là V; ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới còn xác minh tại nơi cư trú của chị O đều có kết quả chị Đỗ Thị Tú O có tên thường gọi là V; do vậy Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xác định chị Đỗ Thị Tú O và chị V là tên gọi của cùng một người và buộc ông phải trả tiền hội còn nợ là đúng quy định. Ông kháng cáo nhưng diễn biến tại phiên tòa không có gì khác nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của ông.

[2.2] Đối với yêu cầu xem xét việc ông đã trả cho chị Tú O (V) được 18.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới và tại phiên tòa hôm nay, ông đều cho rằng đã trả tiền hội cho chị O 09 lần với số tiền 18.000.000 đồng nhưng chị O không thừa nhận việc ông H có trả số tiền trên, đồng thời ông H không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc ông đã trả tiền nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông.

[3] Về án phí: do yêu cầu kháng cáo của ông H không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông còn phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét đến và đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 27, Điều 16, Điều 17, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Xử:**

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.

Giữ nguyên Bản án số 41/2020/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Tú O (V).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Tú O (V) đối với số tiền 1.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Tú O (V) số tiền 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**Về án phí:**

Ông Nguyễn Văn H phải nộp 3.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008479 ngày 04/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới; ông H còn phải nộp 3.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Tú O được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.525.000 đồng theo biên lai thu số 0007840 ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phước Hưng**